

DANH SÁCH SINH VIÊN
CHƯA TÍCH LŨY ĐỦ SỐ TÍN CHỈ THEO KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
1	13D301Đ004	Đặng Thế	Anh	Nam	07/12/1995	13CD-Đ1	2	105	101	5,77	Nợ học phần
2	13D301Đ016	Vũ Văn	Chiến	Nam	17/03/1995	13CD-Đ1	1	105	104	5,64	Nợ học phần
3	13D301Đ0193	Phạm Công	Chính	Nam	14/02/1994	13CD-Đ1	17	105	70	5,21	Nợ học phần
4	13D301Đ028	Hoàng Văn	Duy	Nam	02/08/1991	13CD-Đ1	3	105	100	5,39	Nợ học phần
5	13D301Đ061	Huỳnh Thanh	Hùng	Nam	20/04/1993	13CD-Đ1	0	105	105	5,48	Không đủ điểm tích lũy
6	13D301Đ121	Lê Minh	Tâm	Nam	30/04/1994	13CD-Đ1	1	105	103	5,61	Nợ học phần
7	13D301Đ205	Mai Văn	Hào	Nam	22/05/1995	13CD-Đ2	0	105	105	5,48	Không đủ điểm tích lũy
8	13D301Đ064	Đào Tuấn	Huy	Nam	11/09/1995	13CD-Đ2	26	105	51	5,71	Nợ học phần
9	13D301Đ068	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	23/01/1993	13CD-Đ2	7	105	91	5,61	Nợ học phần
10	13D301Đ076	Nguyễn Bá	Lộc	Nam	16/06/1993	13CD-Đ2	8	105	88	5,68	Nợ học phần
11	13D301Đ084	Nguyễn Khắc	Nam	Nam	25/03/1993	13CD-Đ2	1	105	103	5,75	Nợ học phần
12	13D301Đ088	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	14/07/1993	13CD-Đ2	6	105	94	5,41	Nợ học phần
13	13D301Đ096	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	01/10/1994	13CD-Đ2	18	105	67	5,70	Nợ học phần
14	13D301Đ206	Diệp Hoàng	Phong	Nam	01/02/1995	13CD-Đ2	12	105	81	6,25	Nợ học phần
15	13D301Đ104	Trần Lê Đức	Phú	Nam	30/08/1995	13CD-Đ2	35	105	28	4,95	Nợ học phần
16	13D301Đ005	Trần Minh	Quang	Nam	25/11/1995	13CD-Đ2	34	105	28	4,92	Nợ học phần
17	13D301Đ108	Võ Tổng Hồng	Quang	Nam	25/12/1995	13CD-Đ2	1	105	103	6,18	Nợ học phần
18	13D301Đ195	Vũ Văn	Tâm	Nam	19/08/1994	13CD-Đ2	30	105	42	5,14	Nợ học phần
19	13D301Đ134	Nguyễn Lê Trung	Thành	Nam	27/02/1995	13CD-Đ2	1	105	103	6,02	Nợ học phần
20	13D301Đ137	Trần Phúc	Thành	Nam	12/08/1995	13CD-Đ2	1	105	103	5,70	Nợ học phần
21	13D301Đ152	Phạm Cao Hữu	Tinh	Nam	04/06/1995	13CD-Đ2	3	105	98	5,48	Nợ học phần
22	13D301Đ167	Phạm Lê Tuấn	Tú	Nam	22/09/1993	13CD-Đ2	19	105	62	5,55	Nợ học phần
23	13D301Đ176	Đoàn Tuấn	Vũ	Nam	11/12/1995	13CD-Đ2	3	105	99	5,54	Nợ học phần
24	13D301Đ184	Nguyễn Thanh	Vũ	Nam	05/07/1995	13CD-Đ2	1	105	103	5,71	Nợ học phần
25	13D301Đ179	Lương Triều	Vỹ	Nam	21/06/1995	13CD-Đ2	3	105	99	5,91	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
26	13D301D003	Võ Phạm Trường	An	Nam	15/07/1995	13CD-D3	1	105	103	5,91	Nợ học phần
27	12D301D080	Trần Văn	Lực	Nam	17/05/1994	13CD-D3	8	105	90	5,51	Nợ học phần
28	13D301D091	Lâm Hoàng	Nhân	Nam	31/07/1995	13CD-D3	3	105	96	5,99	Nợ học phần
29	13D301D111	Hồ Văn	Quý	Nam	17/06/1994	13CD-D3	3	105	100	5,84	Nợ học phần
30	12D301D122	Nguyễn Trung	Tấn	Nam	20/10/1994	13CD-D3	9	105	83	5,40	Nợ học phần
31	13D301D153	Trương Tân	Trang	Nam	02/09/1993	13CD-D3	4	105	96	5,67	Nợ học phần
32	13D301D010	Bùi Thanh	Diễn	Nam	12/05/1995	13CD-DT1	8	105	88	5,58	Nợ học phần
33	13D301D029	Nguyễn Tấn Anh	Hào	Nam	05/04/1995	13CD-DT1	4	105	96	5,86	Nợ học phần
34	13D301D041	Nguyễn Minh	Hùng	Nam	08/05/1994	13CD-DT1	8	105	85	5,43	Nợ học phần
35	13D301D047	Nguyễn Thái	Huy	Nam	14/04/1995	13CD-DT1	13	105	76	5,81	Nợ học phần
36	13D301D063	Trần Văn	Linh	Nam	08/10/1994	13CD-DT1	5	105	96	5,55	Nợ học phần
37	13D301D086	Viên Ngọc	Phú	Nam	09/11/1995	13CD-DT1	1	105	103	5,57	Nợ học phần
38	13D301D102	Nguyễn Đức	Quỳnh	Nam	15/10/1994	13CD-DT1	5	105	94	5,60	Nợ học phần
39	13D301D104	Đặng Kỳ	Sơn	Nam	16/07/1995	13CD-DT1	12	105	80	5,79	Nợ học phần
40	13D301D105	Nguyễn Công	Sơn	Nam	05/04/1995	13CD-DT1	1	105	103	5,73	Nợ học phần
41	13D301D116	Vũ Hứa Minh	Tân	Nam	21/10/1995	13CD-DT1	1	105	103	5,66	Nợ học phần
42	13D301D122	Nguyễn Thạch	Thảo	Nam	08/08/1995	13CD-DT1	2	105	101	5,68	Nợ học phần
43	12D301D147	Phan Huỳnh Hoài	Thương	Nam	28/05/1994	13CD-DT1	4	105	97	5,93	Nợ học phần
44	13D301D146	Võ Duy	Tú	Nam	16/02/1995	13CD-DT1	2	105	101	6,14	Nợ học phần
45	13D301D150	Trần Ngọc	Tuấn	Nam	15/01/1991	13CD-DT1	14	105	73	5,18	Nợ học phần
46	13D301D166	Trần Khánh	Cường	Nam	20/05/1994	13CD-DT2	3	105	98	5,69	Nợ học phần
47	13D301D034	Trần Quang	Hiếu	Nam	01/07/1995	13CD-DT2	14	105	74	6,45	Nợ học phần
48	12D301D115	Nguyễn Thanh	Tài	Nam	15/01/1994	13CD-DT2	17	105	70	5,86	Nợ học phần
49	13D301D112	Nguyễn Thánh	Tâm	Nam	12/04/1995	13CD-DT2	5	105	94	5,53	Nợ học phần
50	13D301D121	Đặng Xuân	Thành	Nam	16/02/1995	13CD-DT2	5	105	94	6,12	Nợ học phần
51	13D301D127	Nguyễn Ngọc	Thuận	Nam	31/01/1995	13CD-DT2	1	105	103	5,90	Nợ học phần
52	13D301D133	Nguyễn Trung	Tín	Nam	10/05/1995	13CD-DT2	1	105	103	5,89	Nợ học phần
53	13D301D067	Vương Huỳnh	Trung	Nam	20/11/1994	13CD-DT2	1	105	103	6,26	Nợ học phần
54	13D2060009	Nguyễn Văn	Dương	Nam	12/06/1994	13CD-NL1	6	105	91	6,13	Nợ học phần
55	13D2060027	Đặng Vĩ	Luân	Nam	27/07/1995	13CD-NL1	9	105	88	5,83	Nợ học phần
56	13D2060043	Đặng Vinh	Quan	Nam	16/02/1995	13CD-NL1	5	105	93	5,94	Nợ học phần
57	13D2060051	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	18/04/1994	13CD-NL1	5	105	93	6,24	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
58	13D2010272	K	Bis	Nam	27/06/1995	13CD-CK1	3	105	100	5,59	Nợ học phần
59	13D2010273	Phạm Ngọc	Dược	Nam	16/04/1995	13CD-CK1	2	105	103	6,09	Nợ học phần
60	13D2010026	Nguyễn Hữu	Duy	Nam	01/01/1995	13CD-CK1	15	105	72	5,92	Nợ học phần
61	13D2010052	Nguyễn Ngọc	Hào	Nam	06/07/1993	13CD-CK1	18	105	63	5,71	Nợ học phần
62	13D2010078	Trương Văn	Hùng	Nam	21/08/1994	13CD-CK1	1	105	104	5,51	Nợ học phần
63	13D2010113	Phạm Thanh	Lý	Nam	15/07/1995	13CD-CK1	1	105	103	5,85	Nợ học phần
64	13D2010213	Phạm Văn	Thủy	Nam	12/01/1995	13CD-CK1	1	105	101	5,64	Nợ học phần
65	13D2010117	Đoàn Thanh	Minh	Nam	17/08/1995	13CD-CK2	2	105	103	6,08	Nợ học phần
66	13D2010189	Mai Trọng	Thăng	Nam	01/05/1995	13CD-CK2	2	105	101	5,63	Nợ học phần
67	13D2010271	Lê Trần Trung	Hiếu	Nam	04/10/1995	13CD-CK3	2	105	99	5,84	Nợ học phần
68	13D2010074	Lê Thế	Hùng	Nam	03/04/1995	13CD-CK3	27	105	41	5,28	Nợ học phần
69	13D2010125	Thái Thanh	Nghĩa	Nam	04/06/1995	13CD-CK3	1	105	104	5,30	Nợ học phần
70	13D2010162	Trần	Quân	Nam	10/05/1995	13CD-CK3	1	105	102	5,94	Nợ học phần
71	12D2010126	Bùi Chí	Quý	Nam	10/08/1993	13CD-CK3	14	105	74	5,59	Nợ học phần
72	13D2010190	Phạm Văn	Thắng	Nam	27/07/1994	13CD-CK3	1	105	103	5,53	Nợ học phần
73	13D2010198	Trương Nhật	Thanh	Nam	05/06/1995	13CD-CK3	1	105	103	5,81	Nợ học phần
74	13D2010207	Nguyễn Trí	Thông	Nam	08/03/1995	13CD-CK3	10	105	84	6,02	Nợ học phần
75	13D2010212	Nguyễn Tự Trường	Thuật	Nam	06/11/1993	13CD-CK3	13	105	75	5,76	Nợ học phần
76	13D2010215	Bùi Xuân	Tiến	Nam	02/11/1995	13CD-CK3	8	105	82	5,15	Nợ học phần
77	12D2010170	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	21/08/1993	13CD-CK3	16	105	69	5,49	Nợ học phần
78	13D2010230	Nguyễn	Trí	Nam	16/04/1995	13CD-CK3	0	105	105	5,47	Không đủ điểm tích lũy
79	13D2010240	Nguyễn Đình	Truyền	Nam	01/08/1995	13CD-CK3	2	105	98	5,71	Nợ học phần
80	12D2010185	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	16/09/1994	13CD-CK3	14	105	76	5,65	Nợ học phần
81	13D2010063	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	01/12/1995	13CD-CK4	9	105	80	5,57	Nợ học phần
82	13D2010264	Phan Đình	Hoàng	Nam	10/08/1993	13CD-CK4	1	105	102	5,26	Nợ học phần
83	12D2010093	Nguyễn Đình	Lữ	Nam	10/05/1994	13CD-CK4	12	105	76	5,48	Nợ học phần
84	13D2010116	Thái Hồng	Mạnh	Nam	03/02/1994	13CD-CK4	1	105	103	5,63	Nợ học phần
85	13D2010141	Đặng Xuân	Phong	Nam	03/11/1993	13CD-CK4	10	105	78	5,11	Nợ học phần
86	13D2010161	Nguyễn Tuấn	Phượng	Nam	06/03/1995	13CD-CK4	1	105	103	5,60	Nợ học phần
87	13D2010288	Nguyễn Quý	Tân	Nam	24/04/1995	13CD-CK4	1	105	102	5,72	Nợ học phần
88	13D2010289	Nguyễn Văn	Tây	Nam	21/05/1993	13CD-CK4	2	105	99	5,90	Nợ học phần

SIT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
89	13D2010201	Mai Văn	Thiệu	Nam	10/11/1995	13CD-CK4	4	105	96	5,51	Nợ học phần
90	13D2010291	Lê Công	Toàn	Nam	20/05/1993	13CD-CK4	1	105	105	5,78	Nợ học phần
91	13D2010278	Trần Lê Bảo	Toàn	Nam	03/12/1995	13CD-CK4	13	105	71	5,59	Nợ học phần
92	13D2010257	Hồ Quang	Vinh	Nam	10/04/1994	13CD-CK4	3	105	98	5,69	Nợ học phần
93	13D2050046	Lê Thanh	Hải	Nam	26/03/1995	13CD-Ô1	15	105	72	5,79	Nợ học phần
94	13D2050295	Trịnh Đức	Hùng	Nam	07/11/1995	13CD-Ô1	1	105	102	6,43	Nợ học phần
95	13D2050221	Nguyễn Hữu Minh	Trí	Nam	25/08/1995	13CD-Ô1	5	105	92	5,85	Nợ học phần
96	13D2050241	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	24/03/1995	13CD-Ô1	6	105	88	5,78	Nợ học phần
97	13D2050004	Phạm Tuấn	Anh	Nam	15/10/1995	13CD-Ô2	6	105	91	5,92	Nợ học phần
98	13D2050034	Trần Quốc	Đạt	Nam	15/09/1995	13CD-Ô2	2	105	100	5,79	Nợ học phần
99	13D2050088	Trịnh Tấn	Huy	Nam	15/05/1995	13CD-Ô2	6	105	93	5,81	Nợ học phần
100	13D2050092	Lâu Nhục	Khên	Nam	05/02/1994	13CD-Ô2	2	105	100	5,86	Nợ học phần
101	13D2050118	Vũ	Minh	Nam	31/07/1994	13CD-Ô2	1	105	103	6,20	Nợ học phần
102	13D2050177	Đoàn Văn	Thắng	Nam	28/02/1995	13CD-Ô2	3	105	98	6,06	Nợ học phần
103	13D2050191	Nguyễn Tuấn	Thanh	Nam	01/03/1995	13CD-Ô2	2	105	103	5,98	Nợ học phần
104	13D2050197	Phạm Văn	Thiên	Nam	12/07/1995	13CD-Ô2	4	105	95	5,74	Nợ học phần
105	13D2050273	Phù Anh	Tù	Nam	18/06/1995	13CD-Ô2	4	105	96	5,84	Nợ học phần
106	13D2050030	Đỗ Quốc	Đạt	Nam	26/02/1995	13CD-Ô3	9	105	85	5,59	Nợ học phần
107	13D2050075	Đinh Văn	Hội	Nam	10/06/1995	13CD-Ô3	5	105	95	5,81	Nợ học phần
108	13D2050130	Huỳnh Văn	Nguyễn	Nam	04/04/1994	13CD-Ô3	10	105	83	5,82	Nợ học phần
109	13D2050300	Võ Thành	Nhật	Nam	27/10/1995	13CD-Ô3	9	105	89	5,88	Nợ học phần
110	13D2050145	Vũ Minh	Phong	Nam	01/10/1994	13CD-Ô3	2	105	100	5,84	Nợ học phần
111	13D2050220	Phan Anh	Toàn	Nam	06/09/1994	13CD-Ô3	2	105	101	5,71	Nợ học phần
112	13D2050223	Nguyễn Bảo	Triều	Nam	16/09/1994	13CD-Ô3	1	105	103	5,70	Nợ học phần
113	13D2050237	Phạm Xuân	Tú	Nam	15/05/1993	13CD-Ô3	4	105	95	5,57	Nợ học phần
114	13D2050240	Nguyễn Linh	Tuấn	Nam	21/12/1995	13CD-Ô3	1	105	105	5,72	Nợ học phần
115	13D2050248	Nguyễn Hữu	Văn	Nam	10/06/1994	13CD-Ô3	2	105	100	5,96	Nợ học phần
116	13D2040012	Võ Thị Ngọc	Hiền	Nữ	12/12/1994	13CD-M	1	105	102	5,93	Nợ học phần
117	12D2040011	Đinh Thị Ngọc	Hoa	Nữ	14/05/1992	13CD-M	1	105	103	7,65	Nợ học phần
118	13D2040025	Phan Thị Mỹ	Nga	Nữ	27/01/1995	13CD-M	1	105	103	6,19	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
119	13D201P008	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	15/12/1994	13CD-TP1	1	105	101	5,52	Nợ học phần
120	13D201P017	Lê Anh	Duy	Nam	21/12/1995	13CD-TP1	9	105	74	5,44	Nợ học phần
121	13D201P059	Nguyễn Duy	Phương	Nam	17/03/1995	13CD-TP1	5	105	91	5,54	Nợ học phần
122	13D201P061	Bùi Thế	Quân	Nam	31/05/1992	13CD-TP1	2	105	101	5,45	Nợ học phần
123	13D201P065	Nguyễn Vũ	Quý	Nam	01/11/1994	13CD-TP1	13	105	61	5,58	Nợ học phần
124	13D201P109	Phan Thị	Tâm	Nữ	01/06/1995	13CD-TP1	4	105	94	5,73	Nợ học phần
125	13D201P018	Nguyễn Văn	Định	Nam	27/06/1995	13CD-TP2	14	105	63	5,38	Nợ học phần
126	13D201P020	Tăng Lập	Đức	Nam	16/10/1995	13CD-TP2	2	105	101	5,46	Nợ học phần
127	13D201P044	Nguyễn Thành	Long	Nam	05/06/1995	13CD-TP2	4	105	90	5,68	Nợ học phần
128	13D201P080	Huỳnh	Thông	Nam	05/11/1995	13CD-TP2	11	105	70	5,45	Nợ học phần
129	13D201P087	Trần Minh	Tiến	Nam	27/02/1995	13CD-TP2	5	105	88	5,96	Nợ học phần
130	13D201P089	Nguyễn Văn	Tín	Nam	29/01/1995	13CD-TP2	1	105	103	5,90	Nợ học phần
131	13D201P102	Đặng Ngọc	Vân	Nam	18/08/1995	13CD-TP2	2	105	99	6,32	Nợ học phần
132	13D201M001	Huỳnh Lâm Thế	Anh	Nam	25/12/1994	13CD-TM1	4	105	93	5,70	Nợ học phần
133	12D201M074	Huỳnh Bảo	Hiếu	Nam	02/10/1994	13CD-TM1	12	105	74	5,17	Nợ học phần
134	13D201M031	Hoàng Ngọc	Linh	Nam	28/12/1995	13CD-TM1	3	105	95	5,67	Nợ học phần
135	13D201M099	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	28/04/1995	13CD-TM1	1	105	102	5,28	Nợ học phần
136	13D201M041	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	Nam	04/12/1995	13CD-TM1	5	105	90	5,73	Nợ học phần
137	13D201M059	Phùng Phú	Thanh	Nam	22/12/1995	13CD-TM1	5	105	91	5,68	Nợ học phần
138	13D201M024	Nguyễn Văn Mạnh	Hùng	Nam	20/07/1995	13CD-TM2	8	105	84	5,72	Nợ học phần
139	13D201M028	Hồ Hoàn	Kiểm	Nam	26/07/1994	13CD-TM2	21	105	40	5,24	Nợ học phần
140	13D201M032	Kiểu Tấn	Lợi	Nam	18/01/1995	13CD-TM2	1	105	103	5,82	Nợ học phần
141	13D201M058	Mai Công	Thành	Nam	20/12/1995	13CD-TM2	3	105	96	5,46	Nợ học phần
142	14000483	Nguyễn Văn	An	Nam	19/05/1996	14CĐĐC01	2	105	101	5,70	Nợ học phần
143	14000485	Huỳnh Hoài	Ân	Nam	14/06/1996	14CĐĐC01	5	105	96	5,39	Nợ học phần
144	14000486	Phạm Thiên	Ân	Nam	05/01/1996	14CĐĐC01	1	105	104	6,58	Nợ học phần
145	14000487	Hồ Gia	Bảo	Nam	25/05/1996	14CĐĐC01	3	105	99	5,68	Nợ học phần
146	14000488	Lê Cao	Cường	Nam	08/09/1996	14CĐĐC01	4	105	97	5,57	Nợ học phần
147	14000493	Phạm Ngọc	Đan	Nam	11/02/1996	14CĐĐC01	5	105	94	6,00	Nợ học phần
148	14000494	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	24/09/1996	14CĐĐC01	8	105	89	5,71	Nợ học phần
149	14000489	Đỗ Trọng	Dũng	Nam	05/09/1996	14CĐĐC01	3	105	101	5,57	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
150	14000490	Lê Khắc	Dũng	Nam	10/05/1996	14CĐĐC01	2	105	102	6,11	Nợ học phần
151	14000491	Bùi Lê Quang	Duy	Nam	23/01/1996	14CĐĐC01	7	105	91	5,55	Nợ học phần
152	14000497	Nguyễn Vĩnh	Hào	Nam	29/09/1995	14CĐĐC01	3	105	100	6,15	Nợ học phần
153	14000498	Phùng Văn	Hiền	Nam	19/11/1996	14CĐĐC01	4	105	96	5,65	Nợ học phần
154	14000502	Nguyễn Văn	Hóa	Nam	14/04/1996	14CĐĐC01	2	105	101	5,79	Nợ học phần
155	14000503	Vũ Thái	Hòa	Nam	04/01/1993	14CĐĐC01	11	105	79	5,63	Nợ học phần
156	14000504	Trần Nhật	Hoàng	Nam	06/08/1996	14CĐĐC01	1	105	104	6,38	Nợ học phần
157	14000505	Lê Cảnh	Hưng	Nam	07/04/1995	14CĐĐC01	1	105	104	6,03	Nợ học phần
158	14000507	Trần Minh	Khang	Nam	27/09/1996	14CĐĐC01	8	105	87	5,48	Nợ học phần
159	14000508	Hoàng Quốc Duy	Khương	Nam	03/12/1996	14CĐĐC01	11	105	79	5,38	Nợ học phần
160	14000512	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	09/02/1996	14CĐĐC01	5	105	94	5,83	Nợ học phần
161	14000516	Nguyễn Trương Thế	Phúc	Nam	20/12/1995	14CĐĐC01	2	105	103	6,23	Nợ học phần
162	14000518	Nguyễn Tân Mạnh	Sang	Nam	17/07/1995	14CĐĐC01	1	105	104	5,88	Nợ học phần
163	14000520	Thiên Trung	Tấn	Nam	18/09/1993	14CĐĐC01	14	105	76	5,22	Nợ học phần
164	14000524	Nguyễn Chí	Thành	Nam	04/07/1995	14CĐĐC01	2	105	101	5,60	Nợ học phần
165	14000526	Trần Đức	Thuận	Nam	02/11/1994	14CĐĐC01	5	105	97	5,94	Nợ học phần
166	14000527	Huỳnh Hữu	Thức	Nam	18/08/1996	14CĐĐC01	5	105	97	5,62	Nợ học phần
167	14000529	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	04/10/1995	14CĐĐC01	6	105	92	5,56	Nợ học phần
168	14000530	Nguyễn Minh	Tinh	Nam	20/02/1996	14CĐĐC01	5	105	94	5,52	Nợ học phần
169	14000535	Trương Phúc	Vinh	Nam	23/08/1996	14CĐĐC01	4	105	98	5,57	Nợ học phần
170	14000539	Nguyễn Thanh	Ân	Nam	01/01/1995	14CĐĐC02	3	105	99	5,54	Nợ học phần
171	14000542	Nguyễn Kiều Vũ	Du	Nam	07/01/1995	14CĐĐC02	1	105	102	5,58	Nợ học phần
172	14000550	Đỗ Văn	Hậu	Nam	12/08/1996	14CĐĐC02	1	105	103	5,55	Nợ học phần
173	14000554	Tạ Linh	Hoạt	Nam	11/10/1996	14CĐĐC02	1	105	102	6,06	Nợ học phần
174	14000555	Nguyễn Trọng	Hữu	Nam	25/06/1996	14CĐĐC02	1	105	103	5,63	Nợ học phần
175	14000573	Hà Minh	Trí	Nam	23/10/1996	14CĐĐC02	1	105	103	5,66	Nợ học phần
176	14000575	Trần Văn	Trình	Nam	28/10/1995	14CĐĐC02	6	105	92	5,50	Nợ học phần
177	14000579	Đàm Việt	Tuấn	Nam	25/11/1995	14CĐĐC02	3	105	98	5,73	Nợ học phần
178	14000581	Võ Thanh	Tùng	Nam	18/10/1996	14CĐĐC02	1	105	103	5,77	Nợ học phần
179	14000585	Trương Lâm	Vinh	Nam	22/10/1996	14CĐĐC02	1	105	104	6,06	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
180	14000370	Nguyễn Thanh	Ân	Nam	12/05/1996	14CDDT01	3	105	98	5,47	Nợ học phần
181	14000386	Nguyễn Xuân	Học	Nam	26/01/1996	14CDDT01	2	105	99	5,82	Nợ học phần
182	14000391	Trần Trung	Kiên	Nam	20/10/1996	14CDDT01	4	105	97	6,03	Nợ học phần
183	14000397	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	05/06/1994	14CDDT01	3	105	98	5,42	Nợ học phần
184	14000399	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	03/05/1996	14CDDT01	3	105	103	5,84	Nợ học phần
185	14000423	Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	22/11/1996	14CDDT01	1	105	104	5,48	Nợ học phần
186	14000425	Phạm Tiến	Anh	Nam	16/06/1995	14CDDT02	13	105	73	5,20	Nợ học phần
187	14000427	Đinh Văn	Cường	Nam	11/09/1996	14CDDT02	7	105	89	5,73	Nợ học phần
188	14000433	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	02/07/1994	14CDDT02	4	105	97	5,34	Nợ học phần
189	14000434	Nguyễn Văn	Giàu	Nam	20/09/1996	14CDDT02	1	105	102	5,41	Nợ học phần
190	14000438	Lưu Văn	Hiếu	Nam	29/09/1995	14CDDT02	2	105	100	5,95	Nợ học phần
191	14000440	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	25/08/1996	14CDDT02	2	105	100	5,43	Nợ học phần
192	14000441	Võ	Khánh	Nam	29/07/1996	14CDDT02	11	105	81	5,17	Nợ học phần
193	14000444	Võ Đình Trung	Kiên	Nam	26/05/1995	14CDDT02	7	105	89	5,24	Nợ học phần
194	14000466	Đinh Văn	Thương	Nam	10/02/1995	14CDDT02	5	105	94	5,54	Nợ học phần
195	14000591	Trần Minh	Châu	Nam	16/12/1996	14CDNL01	2	105	100	5,61	Nợ học phần
196	14000592	Trần Quang	Cường	Nam	31/12/1996	14CDNL01	2	105	101	5,75	Nợ học phần
197	14000595	Võ Đức	Duy	Nam	25/09/1996	14CDNL01	1	105	103	6,10	Nợ học phần
198	14000600	Nguyễn Hoàng Đức	Huy	Nam	05/04/1994	14CDNL01	4	105	96	5,87	Nợ học phần
199	14000601	Trần Nhật	Khoa	Nam	17/08/1996	14CDNL01	9	105	84	5,57	Nợ học phần
200	14000603	Phan Hữu	Lộc	Nam	17/02/1996	14CDNL01	2	105	99	5,70	Nợ học phần
201	14000605	Cao Duy	Nhân	Nam	18/05/1996	14CDNL01	1	105	103	5,76	Nợ học phần
202	14000607	Phạm Nguyễn Tấn	Phát	Nam	19/01/1996	14CDNL01	10	105	81	5,85	Nợ học phần
203	14000610	Phạm Đình	Phương	Nam	08/03/1995	14CDNL01	1	105	103	6,23	Nợ học phần
204	14000611	Đỗ Vũ Thanh	Sang	Nam	07/10/1995	14CDNL01	12	105	83	5,90	Nợ học phần
205	14000612	Hồ Giang	Sang	Nam	20/11/1996	14CDNL01	1	105	103	6,08	Nợ học phần
206	14000618	Nguyễn Minh	Trí	Nam	02/10/1995	14CDNL01	4	105	95	5,92	Nợ học phần
207	14000620	Bà Quốc Khánh	Trình	Nam	03/07/1995	14CDNL01	1	105	103	5,98	Nợ học phần
208	14000622	Nguyễn Minh	Trung	Nam	22/08/1996	14CDNL01	1	105	103	6,91	Nợ học phần
209	14000626	Lê Xuân	Vĩ	Nam	25/09/1994	14CDNL01	2	105	100	6,59	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
210	14000766	Nguyễn Xuân	An	Nam	10/09/1996	14CDCK01	2	105	97	5,55	Nợ học phần
211	14000767	Huỳnh Thiên	Ấn	Nam	16/11/1996	14CDCK01	4	105	96	5,81	Nợ học phần
212	13D2010029	Nguyễn Phương	Đài	Nam	22/11/1995	14CDCK01	17	105	69	6,06	Nợ học phần
213	13D2010036	Nguyễn Vĩnh	Đạt	Nam	24/07/1995	14CDCK01	6	105	92	5,42	Nợ học phần
214	14000769	Trương Ngọc	Dũng	Nam	03/09/1995	14CDCK01	2	105	99	5,84	Nợ học phần
215	13D2010274	Nguyễn Nhật	Duy	Nam	02/06/1995	14CDCK01	6	105	96	5,65	Nợ học phần
216	14000639	Phan Giáp	Hải	Nam	27/04/1994	14CDCK01	1	105	103	5,75	Nợ học phần
217	14000772	Lê Phúc	Hậu	Nam	10/11/1996	14CDCK01	2	105	97	6,46	Nợ học phần
218	14000650	Lê Hoàng	Lâm	Nam	28/07/1995	14CDCK01	5	105	97	5,59	Nợ học phần
219	14000651	Trần Thanh	Lâm	Nam	26/10/1996	14CDCK01	1	105	104	5,56	Nợ học phần
220	14000653	Nguyễn Thành	Long	Nam	29/08/1996	14CDCK01	1	105	103	5,68	Nợ học phần
221	14000654	Tạ Thanh	Long	Nam	08/01/1996	14CDCK01	4	105	96	5,64	Nợ học phần
222	14000656	Lê Ngô Nhật	Minh	Nam	02/09/1996	14CDCK01	1	105	103	5,39	Nợ học phần
223	14000660	Huỳnh Minh	Nhân	Nam	29/01/1996	14CDCK01	4	105	96	5,47	Nợ học phần
224	14000661	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	12/02/1996	14CDCK01	1	105	104	5,97	Nợ học phần
225	14000665	Nguyễn Văn	Phước	Nam	30/03/1996	14CDCK01	19	105	61	5,72	Nợ học phần
226	14000666	Phạm Hoài	Phương	Nam	24/06/1996	14CDCK01	2	105	101	5,59	Nợ học phần
227	14000668	Trần Văn	Quý	Nam	17/04/1996	14CDCK01	2	105	101	5,31	Nợ học phần
228	14000670	Lê Văn	Sang	Nam	22/10/1996	14CDCK01	3	105	100	5,75	Nợ học phần
229	14000671	Dương Quốc	Thắng	Nam	11/11/1996	14CDCK01	2	105	103	5,31	Nợ học phần
230	14000672	Ngô Lê	Thịnh	Nam	18/06/1996	14CDCK01	4	105	96	5,37	Nợ học phần
231	14000673	Nguyễn Việt	Tiến	Nam	12/04/1996	14CDCK01	2	105	104	5,55	Nợ học phần
232	14000674	Ngô Huỳnh Minh	Tự	Nam	03/01/1996	14CDCK01	4	105	95	5,26	Nợ học phần
233	14000676	Trần Thanh	Vương	Nam	18/01/1996	14CDCK01	1	105	103	5,63	Nợ học phần
234	14000681	Đặng Năng Xuân	Định	Nam	30/11/1995	14CDCK02	1	105	102	5,52	Nợ học phần
235	14000682	Nguyễn Vũ Xuân	Giang	Nam	20/11/1996	14CDCK02	2	105	101	5,91	Nợ học phần
236	14000683	Lê Đình Nhật	Hào	Nam	24/07/1996	14CDCK02	1	105	104	5,82	Nợ học phần
237	14000684	Trương Văn	Hiền	Nam	10/06/1996	14CDCK02	4	105	94	5,76	Nợ học phần
238	14000686	Nguyễn Công	Hoàng	Nam	01/06/1996	14CDCK02	4	105	96	5,61	Nợ học phần
239	14000687	Nguyễn Minh	Hùng	Nam	05/09/1996	14CDCK02	2	105	102	5,64	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
240	14000690	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	13/01/1995	14CDCK02	1	105	103	5,48	Nợ học phần
241	14000781	Phan Sỹ	Lâm	Nam	01/01/1996	14CDCK02	2	105	100	5,82	Nợ học phần
242	14000692	Trần Tấn	Lộc	Nam	25/10/1995	14CDCK02	2	105	102	5,44	Nợ học phần
243	14000693	Nguyễn Tri	Mẫn	Nam	13/12/1996	14CDCK02	2	105	101	5,58	Nợ học phần
244	14000694	Trần Thiện	Minh	Nam	09/09/1996	14CDCK02	7	105	92	5,77	Nợ học phần
245	14000695	Bành Đại	Nghĩa	Nam	23/10/1992	14CDCK02	2	105	104	6,71	Nợ học phần
246	14000696	Nguyễn Danh	Ngọc	Nam	02/02/1996	14CDCK02	1	105	103	6,04	Nợ học phần
247	14000786	Trần Ngọc	Ngọc	Nam	15/08/1995	14CDCK02	3	105	101	5,59	Nợ học phần
248	13D2010137	Trần Quang	Nhân	Nam	09/08/1995	14CDCK02	1	105	104	5,51	Nợ học phần
249	14000788	Nguyễn Vĩnh	Nhu	Nam	24/01/1996	14CDCK02	5	105	95	5,22	Nợ học phần
250	14000700	Trần Tấn	Phú	Nam	20/06/1995	14CDCK02	6	105	94	5,25	Nợ học phần
251	14000701	Dương Nguyễn Khánh	Phượng	Nam	19/07/1995	14CDCK02	7	105	92	6,79	Nợ học phần
252	14000703	Nguyễn Đoàn	Sang	Nam	02/08/1996	14CDCK02	1	105	104	5,61	Nợ học phần
253	14000708	Phạm Mạnh	Thị	Nam	03/07/1995	14CDCK02	1	105	105	5,94	Nợ học phần
254	14000712	Hoàng Minh	Tiến	Nam	23/03/1993	14CDCK02	2	105	102	5,71	Nợ học phần
255	14000713	Võ Trung	Tín	Nam	30/11/1996	14CDCK02	1	105	105	6,01	Nợ học phần
256	14000714	Nguyễn Văn	Tới	Nam	10/05/1996	14CDCK02	2	105	103	5,78	Nợ học phần
257	14000715	Lô Tiểu Bình	Triệu	Nam	20/10/1996	14CDCK02	9	105	85	5,52	Nợ học phần
258	14000724	Huỳnh Công	Danh	Nam	12/02/1996	14CDCK03	1	105	102	5,63	Nợ học phần
259	14000729	Nguyễn Sỹ	Hải	Nam	11/01/1996	14CDCK03	1	105	103	5,72	Nợ học phần
260	14000733	Thân Trọng	Hoàng	Nam	29/12/1996	14CDCK03	14	105	74	5,67	Nợ học phần
261	14000734	Trần Thanh	Hùng	Nam	06/05/1996	14CDCK03	14	105	76	5,24	Nợ học phần
262	14000735	Nguyễn Đình	Huy	Nam	03/01/1996	14CDCK03	2	105	102	5,75	Nợ học phần
263	14000736	Thành Phú Duy	Khang	Nam	19/05/1995	14CDCK03	19	105	62	5,37	Nợ học phần
264	14000738	Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	10/10/1995	14CDCK03	3	105	97	5,68	Nợ học phần
265	14000748	Trần Minh	Sang	Nam	04/08/1995	14CDCK03	3	105	99	5,36	Nợ học phần
266	14000795	Dương Công	Thắng	Nam	26/10/1996	14CDCK03	11	105	80	5,57	Nợ học phần
267	14000796	Lê Đình	Thành	Nam	03/09/1995	14CDCK03	4	105	94	5,33	Nợ học phần
268	14000798	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	25/06/1995	14CDCK03	1	105	104	6,06	Nợ học phần
269	14000752	Trần Vĩnh	Thịnh	Nam	12/05/1996	14CDCK03	10	105	80	5,39	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
270	13D2010210	Đào Minh	Thuận	Nam	07/04/1994	14CDCK03	1	105	102	5,71	Nợ học phần
271	14000753	Hồ Văn	Thuận	Nam	02/11/1995	14CDCK03	5	105	95	5,51	Nợ học phần
272	14000757	Trần Khiêm	Tri	Nam	21/10/1996	14CDCK03	12	105	78	5,59	Nợ học phần
273	14000804	Đỗ Hải	Triều	Nam	13/11/1995	14CDCK03	24	105	47	5,52	Nợ học phần
274	14000759	Huỳnh Kim	Trọng	Nam	10/02/1996	14CDCK03	1	105	104	5,77	Nợ học phần
275	14000760	Vũ Thành	Trung	Nam	16/08/1996	14CDCK03	1	105	103	6,03	Nợ học phần
276	14000806	Võ Anh	Tú	Nam	02/11/1996	14CDCK03	1	105	104	5,44	Nợ học phần
277	14000763	Nguyễn Khánh	Văn	Nam	16/04/1996	14CDCK03	2	105	102	5,52	Nợ học phần
278	14000813	Bùi Tuấn	Anh	Nam	22/03/1995	14CDOT01	5	105	94	6,09	Nợ học phần
279	14001039	Thới Huy	Biển	Nam	23/11/1993	14CDOT01	1	105	105	6,40	Nợ học phần
280	14001040	Dương Văn	Cường	Nam	10/12/1995	14CDOT01	3	105	100	5,77	Nợ học phần
281	14000824	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	13/09/1996	14CDOT01	2	105	99	5,82	Nợ học phần
282	14001041	Bùi Văn	Diệu	Nam	20/12/1996	14CDOT01	1	105	103	6,07	Nợ học phần
283	14000827	Nguyễn Văn	Hàng	Nam	16/04/1996	14CDOT01	1	105	102	5,89	Nợ học phần
284	14000829	Nguyễn Thái	Hòa	Nam	25/08/1996	14CDOT01	2	105	99	6,41	Nợ học phần
285	14000833	Nguyễn Trần Đạo	Hưng	Nam	04/11/1996	14CDOT01	7	105	91	5,62	Nợ học phần
286	14001054	Nguyễn Đình	Huy	Nam	02/10/1995	14CDOT01	1	105	103	5,58	Nợ học phần
287	14001057	Nguyễn Hoàng Phi	Khanh	Nam	16/12/1996	14CDOT01	1	105	104	6,22	Nợ học phần
288	14001058	Nguyễn Tùng	Lâm	Nam	26/12/1992	14CDOT01	1	105	104	6,36	Nợ học phần
289	14000839	Nguyễn Ngọc	Linh	Nam	28/08/1996	14CDOT01	1	105	104	6,20	Nợ học phần
290	14000841	Lê Đình	Long	Nam	31/01/1995	14CDOT01	23	105	57	5,74	Nợ học phần
291	14000845	Lưu Khánh	Nguyễn	Nam	01/01/1996	14CDOT01	4	105	96	5,91	Nợ học phần
292	13D2050272	Huỳnh Anh	Sĩ	Nam	20/02/1994	14CDOT01	4	105	96	5,75	Nợ học phần
293	14000854	Trần Quốc	Sơn	Nam	21/11/1994	14CDOT01	2	105	101	6,41	Nợ học phần
294	14000856	Lưu Nhật	Tân	Nam	13/06/1996	14CDOT01	4	105	96	6,43	Nợ học phần
295	13D2050183	Hồ Tấn	Thành	Nam	03/02/1994	14CDOT01	4	105	98	5,67	Nợ học phần
296	14000858	Lê Công	Thành	Nam	18/04/1996	14CDOT01	2	105	102	5,78	Nợ học phần
297	14000860	Võ Đoàn	Triều	Nam	08/09/1993	14CDOT01	5	105	94	6,01	Nợ học phần
298	14000861	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	15/07/1996	14CDOT01	5	105	95	5,71	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
299	14000866	Tăng Tấn Tường	An	Nam	07/11/1996	14CDOT02	1	105	103	5,76	Nợ học phần
300	14000868	Trần Anh	Bằng	Nam	06/03/1996	14CDOT02	1	105	103	5,75	Nợ học phần
301	14000871	Nguyễn Chí	Cường	Nam	17/01/1996	14CDOT02	3	105	99	5,68	Nợ học phần
302	14000874	Võ Hoàng	Đại	Nam	11/02/1996	14CDOT02	3	105	99	6,03	Nợ học phần
303	14000872	Hồ Quốc	Dinh	Nam	12/03/1996	14CDOT02	1	105	102	5,95	Nợ học phần
304	14000878	Lê Nguyễn	Hải	Nam	15/07/1996	14CDOT02	1	105	103	5,89	Nợ học phần
305	14001243	Ngô Quốc	Hảo	Nam	17/04/1994	14CDOT02	5	105	94	5,52	Nợ học phần
306	14000880	Dương Minh	Hiếu	Nam	11/12/1996	14CDOT02	4	105	96	5,90	Nợ học phần
307	14000883	Dương Quốc	Huy	Nam	20/10/1994	14CDOT02	1	105	103	5,50	Nợ học phần
308	14000885	Nguyễn Ngọc	Huy	Nam	08/08/1995	14CDOT02	2	105	101	5,47	Nợ học phần
309	14000886	Nguyễn Văn Anh	Khoa	Nam	17/04/1996	14CDOT02	9	105	82	5,55	Nợ học phần
310	14000888	Lê Minh Vũ	Linh	Nam	17/06/1996	14CDOT02	2	105	101	5,75	Nợ học phần
311	14001060	Nguyễn Đức	Long	Nam	29/07/1995	14CDOT02	1	105	103	5,61	Nợ học phần
312	14001061	Lại Hoàng	Minh	Nam	03/10/1995	14CDOT02	1	105	103	5,77	Nợ học phần
313	14000890	Bùi Thanh	Nam	Nam	15/07/1996	14CDOT02	4	105	97	5,88	Nợ học phần
314	14000898	Đỗ Văn	Phúc	Nam	19/07/1995	14CDOT02	6	105	94	5,92	Nợ học phần
315	14000903	Đồng Phước	Son	Nam	24/10/1996	14CDOT02	7	105	90	5,71	Nợ học phần
316	14001073	Hoàng Đình	Sý	Nam	10/09/1996	14CDOT02	3	105	100	6,02	Nợ học phần
317	14001075	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	14/12/1995	14CDOT02	2	105	100	5,91	Nợ học phần
318	14001079	Vô Văn	Tiến	Nam	12/06/1996	14CDOT02	1	105	102	6,04	Nợ học phần
319	14000914	Nguyễn Ngọc	Triết	Nam	22/11/1996	14CDOT02	3	105	97	5,61	Nợ học phần
320	14000915	Bùi Vĩnh	Trực	Nam	03/12/1996	14CDOT02	5	105	95	5,69	Nợ học phần
321	14000922	Hà Thanh	Vĩnh	Nam	06/08/1995	14CDOT02	1	105	103	6,01	Nợ học phần
322	14000928	Nguyễn Tuấn	Dũng	Nam	19/05/1996	14CDOT03	9	105	86	5,60	Nợ học phần
323	14000933	Lê Văn	Hải	Nam	03/05/1996	14CDOT03	1	105	103	5,95	Nợ học phần
324	14000934	Nguyễn Ngọc	Hào	Nam	22/11/1994	14CDOT03	12	105	76	5,59	Nợ học phần
325	14000935	Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	27/08/1996	14CDOT03	8	105	89	5,80	Nợ học phần
326	14000936	Bành Xuân	Hoàng	Nam	01/06/1996	14CDOT03	9	105	87	5,64	Nợ học phần
327	14000940	Đông Xuân	Khánh	Nam	08/03/1996	14CDOT03	8	105	88	5,75	Nợ học phần
328	13D2050263	Nguyễn Hồng	Linh	Nam	23/09/1995	14CDOT03	2	105	100	6,08	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
329	14000944	Nguyễn Văn	Minh	Nam	31/03/1995	14CDOT03	1	105	103	5,77	Nợ học phần
330	14000952	Lê Minh	Phúc	Nam	08/11/1996	14CDOT03	1	105	103	5,92	Nợ học phần
331	14000960	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	11/11/1996	14CDOT03	8	105	87	5,95	Nợ học phần
332	14000961	Tô Đức	Thắng	Nam	14/08/1995	14CDOT03	1	105	103	5,93	Nợ học phần
333	14000967	Đào Văn	Tỉnh	Nam	15/12/1995	14CDOT03	11	105	85	5,66	Nợ học phần
334	14001082	Hồ Văn	Trí	Nam	09/01/1996	14CDOT03	1	105	103	5,83	Nợ học phần
335	14000972	Mai Duy	Trung	Nam	22/07/1995	14CDOT03	1	105	102	5,61	Nợ học phần
336	14000977	Ngô Trần Nguyễn Bá	Vinh	Nam	29/02/1996	14CDOT03	1	105	103	6,08	Nợ học phần
337	14000981	Lương Quốc	Anh	Nam	28/01/1996	14CDOT04	3	105	98	5,81	Nợ học phần
338	14000983	Trần Quốc	Báo	Nam	01/12/1996	14CDOT04	8	105	87	5,98	Nợ học phần
339	14000988	Nguyễn Minh	Đạo	Nam	16/09/1996	14CDOT04	4	105	98	6,48	Nợ học phần
340	14000985	Hồ	Diễn	Nam	08/09/1995	14CDOT04	1	105	103	6,03	Nợ học phần
341	14000990	Viết Thanh	Diễn	Nam	05/05/1996	14CDOT04	5	105	94	5,74	Nợ học phần
342	13D2050018	Bùi Công	Doãn	Nam	20/04/1995	14CDOT04	1	105	102	5,62	Nợ học phần
343	14000993	Phạm Hoài	Hận	Nam	14/01/1996	14CDOT04	1	105	103	6,39	Nợ học phần
344	14000995	Trần Minh	Hiếu	Nam	13/05/1996	14CDOT04	1	105	103	5,38	Nợ học phần
345	13D2050269	Nguyễn Ngọc Quốc	Hoàng	Nam	12/04/1993	14CDOT04	6	105	92	5,55	Nợ học phần
346	14000996	Nguyễn Long	Hùng	Nam	04/04/1996	14CDOT04	6	105	90	6,21	Nợ học phần
347	14001003	Huỳnh Hữu	Long	Nam	03/08/1995	14CDOT04	3	105	96	5,91	Nợ học phần
348	14001016	Triệu Hoàn	Tâm	Nam	23/10/1995	14CDOT04	5	105	95	5,72	Nợ học phần
349	14001020	Dương Thái	Thịnh	Nam	28/03/1996	14CDOT04	2	105	102	5,66	Nợ học phần
350	13D2050236	Hà Anh	Tú	Nam	05/06/1994	14CDOT04	3	105	98	5,88	Nợ học phần
351	14001029	Lê Văn	Tú	Nam	05/04/1995	14CDOT04	1	105	105	6,12	Nợ học phần
352	14001034	Trần Văn Phở	Vân	Nam	20/07/1996	14CDOT04	1	105	102	5,75	Nợ học phần
353	14001035	Võ Văn	Vinh	Nam	10/09/1996	14CDOT04	2	105	100	6,21	Nợ học phần
354	14001101	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	01/06/1995	14CDMT01	1	105	103	6,15	Nợ học phần
355	14001102	Đỗ Thị Cẩm	Hương	Nữ	10/12/1995	14CDMT01	1	105	103	6,09	Nợ học phần
356	14001105	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	25/07/1996	14CDMT01	1	105	103	6,36	Nợ học phần
357	14001107	Võ Thị Thủy	Kiều	Nữ	02/06/1995	14CDMT01	1	105	103	6,39	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
358	14001118	Kiểu Thanh	Phú	Nam	04/06/1996	14CDMT01	1	105	103	6,22	Nợ học phần
359	14001126	Đỗ Thị Mộng	Thu	Nữ	28/09/1996	14CDMT01	1	105	103	5,93	Nợ học phần
360	14001130	Lê Thị Kim	Vui	Nữ	06/01/1996	14CDMT01	1	105	102	6,09	Nợ học phần
361	14001136	Ngô Tấn Minh	Công	Nam	18/01/1996	14CDTP01	1	105	102	5,97	Nợ học phần
362	14001140	Nguyễn Vũ Đông	Đức	Nam	26/04/1995	14CDTP01	4	105	96	5,67	Nợ học phần
363	14001141	Từ Chí	Hải	Nam	05/06/1996	14CDTP01	0	105	105	7,02	Nợ học phần
364	14001177	Đỗ Thanh	Hậu	Nam	15/10/1996	14CDTP01	2	105	99	5,72	Nợ học phần
365	14001179	Nguyễn Công	Hiếu	Nam	04/01/1996	14CDTP01	2	105	99	5,52	Nợ học phần
366	14001180	Trần Trung	Hiếu	Nam	21/10/1996	14CDTP01	1	105	101	5,99	Nợ học phần
367	14001181	Nguyễn Trọng	Hữu	Nam	20/10/1994	14CDTP01	5	105	94	5,20	Nợ học phần
368	13D201P122	Vương Nguyễn Tường	Lâm	Nam	28/09/1994	14CDTP01	10	105	74	5,99	Nợ học phần
369	13D201P049	Phạm Tuấn	Mỹ	Nam	23/02/1995	14CDTP01	5	105	91	5,47	Nợ học phần
370	14001151	Trần Trung	Nhuong	Nam	15/02/1994	14CDTP01	7	105	85	5,57	Nợ học phần
371	14001156	Lê Thái	Sang	Nam	15/07/1996	14CDTP01	1	105	103	5,66	Nợ học phần
372	14001195	Đinh Trần Minh	Tâm	Nam	22/04/1996	14CDTP01	2	105	100	6,68	Nợ học phần
373	14001161	Nguyễn Phúc	Thịnh	Nam	10/08/1995	14CDTP01	1	105	103	5,97	Nợ học phần
374	14001165	Nguyễn Hữu	Trọng	Nam	02/04/1996	14CDTP01	2	105	101	5,86	Nợ học phần
375	14001169	Phạm Đình	Tuấn	Nam	20/04/1996	14CDTP01	1	105	103	6,21	Nợ học phần
376	13D201P100	Lê Ngọc	Tuyển	Nam	25/08/1994	14CDTP01	3	105	94	5,66	Nợ học phần
377	14001211	Trần Thế	Anh	Nam	09/09/1996	14CDTM01	6	105	86	5,89	Nợ học phần
378	14001213	Phạm Thành	Đạt	Nam	27/02/1995	14CDTM01	8	105	80	5,52	Nợ học phần
379	14001214	Cao Đức	Đoan	Nam	20/03/1995	14CDTM01	10	105	76	5,38	Nợ học phần
380	14001218	Lê Đình	Hiếu	Nam	18/09/1996	14CDTM01	4	105	92	5,72	Nợ học phần
381	14001219	Trần Văn	Hồng	Nam	14/03/1996	14CDTM01	1	105	101	5,84	Nợ học phần
382	14001220	Dư Quốc	Hưng	Nam	01/01/1993	14CDTM01	2	105	99	6,04	Nợ học phần
383	14001228	Nguyễn Thành	Nhơn	Nam	09/08/1996	14CDTM01	2	105	98	5,81	Nợ học phần
384	14001236	Phạm Minh	Toàn	Nam	07/12/1995	14CDTM01	3	105	98	5,74	Nợ học phần
385	14001238	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	30/08/1996	14CDTM01	15	105	69	5,54	Nợ học phần

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số môn điểm F	Số tín chỉ toàn khóa	STC TL	TBC TL	Ghi chú
386	15003522	Trần	Tin	Nam	27/02/1994	15CD-LTCK	1	50	49	5,91	Nợ học phần
387	15003552	Nguyễn Hoàng Vũ	Khanh	Nam	15/12/1997	15CD-LTD	1	50	47	5,83	Nợ học phần
388	15003524	Nguyễn Văn	Lai	Nam	13/07/1989	15CD-LTD	24	50	2	4,80	Nợ học phần
389	15003546	Trần Đình	Nguyễn	Nam	21/12/1991	15CD-LTD	1	50	48	6,31	Nợ học phần
390	15003536	Nguyễn Đình	Phổ	Nam	05/05/1994	15CD-LTD	25	50	0	0,00	Nợ học phần
391	15003551	Trần Thanh	Tân	Nam	18/03/1993	15CD-LTD	1	50	48	5,87	Nợ học phần
392	15003534	Phạm Xuân	Thịnh	Nam	25/09/1984	15CD-LTD	1	50	48	5,75	Nợ học phần
393	15003556	Lương Hoài	Thy	Nam	02/03/1995	15CD-LTD	25	50	0	0,00	Nợ học phần
394	15003519	Nguyễn Phúc	Tài	Nam	08/07/1984	15CD-LTỐT	22	50	4	6,15	Nợ học phần

Tổng cộng danh sách: 394 sinh viên

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2017

PHÒNG TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO

Nguyễn Văn Tài